

TIẾP CẬN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI: NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA BA CỘNG ĐỒNG DI CƯ CHĂM, KHMER, KINH Ở NÔNG THÔN ĐÔNG NAM BỘ

Trần Hạnh Minh Phương⁽¹⁾, Lê Thanh Sang⁽²⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một; (2) Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ

Ngày nhận bài 01/8/2022; Ngày phản biện 10/8/2022; Chấp nhận đăng 15/9/2022

Liên hệ email: phuongthm@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.05.334>

Tóm tắt

Quá trình chuyển cư từ Tây Nam Bộ đến Đông Nam Bộ diễn ra liên tục trong ba thập kỷ qua. Mức độ tiếp cận hệ thống an sinh xã hội (ASXH) của những người di cư ở nơi mới đến có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của họ, phản ánh việc thực thi chính sách của chính quyền địa phương đối với người nhập cư. Dựa vào nguồn dữ liệu khảo sát bằng bản hỏi hộ gia đình di cư, phỏng vấn sâu thông tin viên; vận dụng hai khái niệm “An sinh xã hội” và “Tiếp cận an sinh xã hội” bài viết so sánh mức độ tiếp cận hệ thống ASXH của ba cộng đồng di cư người Chăm, người Khmer và người Kinh từ Tây Nam Bộ đến nông thôn Đông Nam Bộ. Nghiên cứu cho thấy có sự chênh lệch về mức độ tham gia và hưởng lợi hệ thống an sinh xã hội giữa ba cộng đồng khảo sát và điều này có liên quan đến trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, người uy tín kết nối cộng đồng với chính quyền địa phương. Kết quả nghiên cứu hàm ý hệ thống an sinh xã hội rất có ý nghĩa đối với người di cư nhưng những nỗ lực của cá nhân, cộng đồng di cư còn quan trọng hơn để ổn định cuộc sống và phát triển kinh tế.

Từ khóa: an sinh xã hội, cộng đồng, di cư, Đông Nam Bộ

Abstract

ACCESS TO THE SOCIAL WELFARE SYSTEM: A COMPARATIVE RESEARCH BETWEEN THE COMMUNITIES OF CHAM, KHMER, AND KINH IN THE RURAL SOUTHEAST

For more than three decades, there has been a continuous flow of people moving from the Mekong Delta to the Southeast. The extent to which migrants have accessed to the social Welfare system in their new destination is important to their lives, reflecting the implementation of local government policies towards migrants. Using survey data from household questionnaires and in-depth interviews with correspondents, applying the concepts of "Social Welfare" and "Accessing to Social Welfare." the paper compares the level of access to the social welfare system of three migrant communities - Cham, Khmer, and Kinh - from the Mekong Delta to rural Southeast. The findings indicate that there is a

difference in the three survey communities' levels of social security system engagement and benefit in relation to their educational attainment, occupation, income, and spiritual leader. The research result implies that the social welfare system is very meaningful for migrants, but the efforts of individuals and the migrant community are even more important to stabilize their lives and grow the economy.

1. Đặt vấn đề

“Chị K.M là người Khmer, quê ở huyện Trà Cú, Trà Vinh, sinh năm 1986 trong gia đình năm anh em không ai biết chữ trong đó còn có người em bị mù bẩm sinh. Gia đình chỉ có một sào đất trồng lúa khi được khi mất mùa, thường xuyên thiếu cái ăn. Không có học nên anh em chị chỉ có thể làm mướn những công việc nặng nhọc nhưng tiền công ít ỏi, thiếu lại càng thiếu, mượn gạo ăn trước làm trả sau. Buổi sáng làm được bao nhiêu về ăn hết, chiều có ai mướn gì làm mới có tiền mua gạo ăn, không có tiếp tục mượn hàng xóm. Cứ thế ngày qua ngày, cái ăn còn chưa đủ nói gì đến việc đi học. Rồi máy gặt đập liên hợp xuất hiện, chủ ruộng không còn thuê người cấy hay đập lúa nữa, ở quê không còn việc gì làm, nếu không lên đây làm ở dưới đó thì đói chết sao! Lên Gia Kiệm này dễ kiếm việc làm, không biết chữ thì làm công nhật, ngày nào lấy tiền ngày đó, chủ cũng dễ, mình muốn làm thì làm, muốn nghỉ thì nghỉ không ai ép buộc mình. Khi nào có việc gia đình thì mình về quê nghỉ một tuần chủ cũng không phiền hà gì.” (Trích PVS, K.M, Gia Kiệm, Đồng Nai, ngày 6/9/2022).

Câu chuyện của chị K.M là một trường hợp điển hình về lý do di cư. Từ những năm 2000, sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa từ khâu làm đất, gieo trồng, bón phân và thu hoạch nên nhu cầu lao động nông nghiệp ngày càng giảm; biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng, và thu nhập của nông dân; tình trạng lũ lụt bất thường, thời tiết cực đoan đã “đẩy” người nông dân rời Tây Nam Bộ (TNB) đi tìm nơi có việc làm ổn định và môi trường sống ít rủi ro hơn (Chun và Lê Thanh Sang, 2012; Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Lê Thanh Sang, Nguyễn Thị Minh Châu, 2013; Lê Thanh Sang và Đỗ Thị Thanh Thủy, 2014). Khi đó, Đông Nam Bộ (ĐNB) là lựa chọn tối ưu đối với di cư từ TNB.

Theo kết quả khảo sát của đề tài, hầu hết các hộ di cư đều hài lòng với cuộc sống hiện tại ở nơi mới. Vậy, liệu hệ thống ASXH có liên quan đến sự hội nhập và ổn định cuộc sống của các cộng đồng di cư này không? Giữa người Kinh và các dân tộc ít người có sự chênh lệch trong việc tiếp cận hệ thống ASXH không và vì sao? là nội dung sẽ được trình bày trong bài viết này.

2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Các nghiên cứu về *An sinh xã hội (ASXH) cho người di cư* đều đồng quan điểm rằng lao động di cư có đóng góp đáng kể vào nguồn nhân lực nơi họ đến nhưng cũng là

nhóm yếu thế rất cần nhận được sự trợ giúp. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận hệ thống ASXH của họ còn thấp. Nhiều lao động di cư chưa được thụ hưởng những quyền lợi từ các chính sách ASXH như lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo trợ xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản như: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin (Sên Thị Hiền, 2013; Đoàn Hiền, 2020; Duy Hưng, 2021).

Khác với những nghiên cứu trên, hai công trình của George J. Borjas and Stephen J. Trejo (1991) và Ngô Thị Phượng (2013) nghiên cứu mức độ tham gia hệ thống ASXH bằng phương pháp so sánh giữa nông thôn và thành thị, giữa người di cư trước và sau đã khơi gợi ý tưởng cho nghiên cứu này:

George J. Borjas and Stephen J. Trejo (1991) dựa vào nguồn dữ liệu tổng điều tra năm 1970 và 1980 của Hoa Kỳ phân tích mức độ tiếp cận hệ thống ASXH của các nhóm nhập cư vào hai thập niên này. Nghiên cứu chỉ ra rằng các nhóm nhập cư trong thập niên 1980 tiếp cận hệ thống ASXH cao hơn các nhóm nhập cư thập niên 1970. Ngoài ra, hộ gia đình nhập cư ở Hoa Kỳ càng lâu thì càng có nhiều khả năng tiếp cận được phúc lợi xã hội. Phân tích cũng cho thấy nguồn gốc quốc gia của người nhập cư là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến mức độ tiếp cận ASXH.

Ngô Thị Phượng (2013) phân tích sự “tham gia đóng góp tài chính vào các quỹ của hệ thống ASXH và sự hưởng lợi từ hệ thống đó” của cư dân khu vực thành thị và nông thôn. Tác giả nhận định có sự bất cập trong việc thực hiện hệ thống ASXH ở Việt Nam hiện nay vì “cư dân khu vực nông thôn được xem là yếu thế hơn so với cư dân khu vực thành thị, là đối tượng cần sự tương trợ nhiều hơn từ xã hội nhưng thực tế, mới chỉ có một phần nhỏ trong số họ tiếp cận được với chính sách (...). Ngược lại, đa số cư dân khu vực thành thị, có khả năng tích lũy cao hơn từ nguồn thu nhập của họ, lại có điều kiện tiếp cận với các chính sách phòng ngừa rủi ro, ảnh hưởng dài hạn đến cuộc sống...” (Ngô Thị Phượng, 2013).

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp so sánh “là xem xét một đối tượng này trong mối quan hệ với một đối tượng khác, thường được áp dụng để tìm kiếm những điểm giống và khác nhau giữa các đối tượng. Phương pháp này cho phép so sánh các trường hợp khác nhau có một biến phụ thuộc giống nhau (tiếp cận ASXH), để bất kỳ yếu tố nào khác xuất hiện trong các trường hợp so sánh đều có thể được coi là biến độc lập” (Mokhtarianpour Majid, 2016) để phân tích và so sánh mức độ tiếp cận hệ thống ASXH giữa cộng đồng người Chăm ở Bình Dương, người Kinh ở Bình Phước, và người Khmer ở Đồng Nai.

Nguồn dữ liệu bài viết là kết quả khảo sát định lượng 150 hộ di cư gồm: 50 hộ người Khmer ở xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; 50 hộ người Chăm tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và 50 hộ người Kinh ở xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước được chọn bằng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống trong khuôn khổ *Dự án điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay*. Ba xã được chọn nghiên cứu có điều

kiện kinh tế khá tương đồng nhau và ba cộng đồng ở ba xã ấy có số nhân khẩu gần bằng nhau cho phép thực hiện phương pháp so sánh.

Ngoài ra, dữ liệu định tính bao gồm nhật ký điền dã địa bàn, nội dung 15 cuộc phỏng vấn sâu lãnh đạo địa phương, người có uy tín trong cộng đồng (trong đó có Giáo cả của cộng đồng người Chăm, già làng của người Khmer), chủ hộ và người am hiểu về cộng đồng cũng được sử dụng hiệu quả để lý giải mức độ tham gia và hưởng thụ ASXH của ba cộng đồng.

3. Kết quả và thảo luận

Nghiên cứu tiếp cận ASXH là đánh giá “sự tham gia đóng góp tài chính vào các quỹ của hệ thống ASXH và hưởng lợi từ hệ thống đó” (Ngô Thị Phương, 2013). Dưới đây là kết quả khảo sát về mức độ tham gia và hưởng lợi hệ thống ASXH của ba cộng đồng Khmer, Chăm và Kinh ở Đồng Nai, Bình Dương và Bình Phước.

3.1. Cộng đồng người Khmer, Chăm có mức độ tham gia ASXH thấp hơn so với người Kinh

Ở Việt Nam, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) là hai trụ cột quan trọng nhất trong hệ thống ASXH, đã được thể chế hóa bằng Luật BHXH, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI ngày 29/6/2006 và được sửa đổi bổ sung tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2016 (trừ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 2 có hiệu lực từ ngày 01/1/2018); Luật BHYT được Quốc hội Khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2008 được sửa đổi bổ sung tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2015.

Sự tham gia đóng góp vào nguồn tài chính trong hệ thống ASXH ở Việt Nam bao gồm sự đóng góp bắt buộc hoặc tự nguyện của người tham gia. Đó là BHYT và BHXH bắt buộc áp dụng đối với người lao động trong các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp có hợp đồng từ ba tháng trở lên. Tham gia BHYT, BHXH tự nguyện đối với người lao động tự do. Theo kết quả khảo sát, cộng đồng người Khmer có đến 47,6% *người không có BHYT*, trong khi đó ở với người Chăm là 31,7% và người Kinh là 15,7%. Cả ba cộng đồng đều sống ở địa bàn nông thôn, đa phần là lao động tự do nên tỷ lệ tham gia *BHYT bắt buộc* rất thấp: người Khmer là 1%, người Chăm 7,9% và người Kinh 16,7%. Cụ thể, nghề nghiệp là các nhà lãnh đạo trong các ngành, các cấp, các đơn vị ở người Kinh là 1,2% trong khi đó người Khmer, Chăm là 0%; chuyên viên kỹ thuật: người Kinh 1,8%, Chăm 0,6 và Khmer 0%; nhân viên là người Kinh 2,4%, Chăm, Khmer là 0%; công nhân người Kinh 14,7%, Chăm 18% và Khmer 3,9%. Ngược lại, nhiều người Khmer được nhận BHYT hộ nghèo – cận nghèo (18%), Chăm (10,1%) trong khi không có hộ người Kinh nào nhận loại BHYT này.

Theo Luật BHYT sửa đổi, bổ sung 2014, việc tham gia BHYT tự nguyện được áp dụng cho mọi thành viên trong gia đình, trừ những người đã tham gia BHYT theo hình

thức khác nên người dân bắt đầu tham gia BHYT tự nguyện, kể cả tộc người thiểu số, với người Khmer có 7,8% người dân mua BHYT tự nguyện, so với người Chăm là 26% và người Kinh là 41,9%. Điều này cho thấy có sự chênh lệch cao giữa ba tộc người về mức độ tham gia đóng góp vào hệ thống ASXH. Kết quả nghiên cứu này phần nào lý giải trong số “87,96 triệu người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ bao phủ 90,85% dân số, có đến 51 triệu người (chiếm 58%) do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ (Bộ Y tế, 2021). Điều này cho thấy nhà nước phải chi ra số tiền rất lớn để bao phủ BHYT toàn dân – chính sách nhân đạo vì cộng đồng nhưng nếu không có sự tham gia đóng góp tự nguyện của người dân thì Việt Nam thật khó đạt được mục tiêu 100% dân số có BHYT.

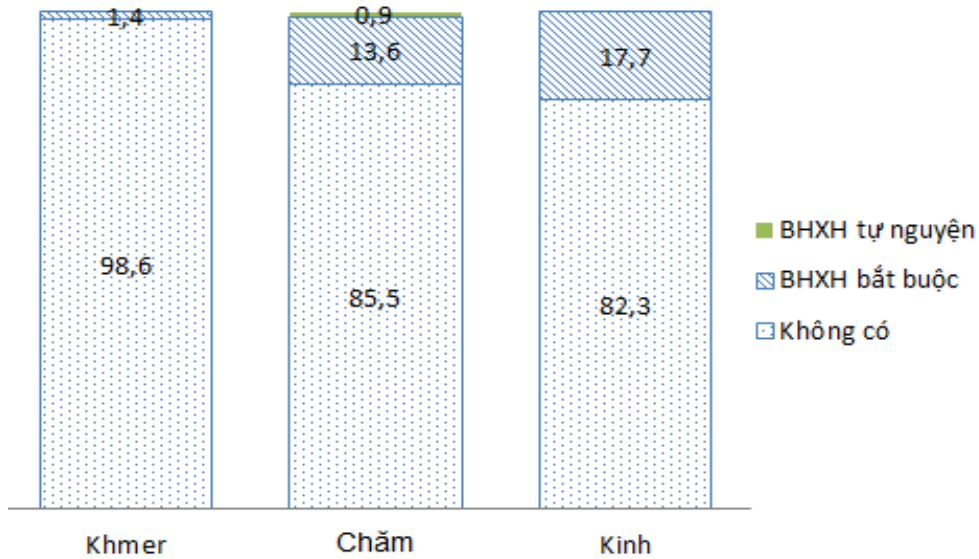
Bảng 1. Tham gia BHYT của các thành viên hộ gia đình chia theo cộng đồng người Khmer, người Chăm, và người Kinh (%)

	Khmer		Chăm		Kinh		Tính chung	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Không có BHYT	98	47,6	72	31,7	33	15,7	203	31,6
BHYT bắt buộc	2	1,0	18	7,9	35	16,7	55	8,6
BHYT học sinh-sinh viên	19	9,2	24	10,6	31	14,8	74	11,5
BHYT hộ nghèo-cận nghèo	37	18,0	23	10,1	0	0,0	60	9,3
BHYT dưới 6 tuổi	15	7,3	24	10,6	16	7,6	55	8,6
BHYT tự nguyện	16	7,8	59	26,0	88	41,9	163	25,3
BHYT người cao tuổi (trên 80)	0	0,0	2	0,9	2	1,0	4	0,6
BHYT người có công, thân nhân công an/bộ đội (cựu chiến binh, GD liệt sĩ,...)	0	0,0	1	0,4	4	1,9	5	0,8
BHYT vùng sâu, vùng dân tộc khó khăn, khuyết tật,...	19	9,2	4	1,8	1	0,5	24	3,7
Tổng cộng	206	100,0	227	100,0	210	100,0	643	100,0

Giữa người Khmer, người Chăm và người Kinh có sự chênh lệch lớn về việc tham gia BHYT. Đa phần người dân nơi đây đều lao động phi chính thức không tham gia BHYT bắt buộc nhưng người Kinh mua BHYT tự nguyện nhiều hơn người Khmer và người Chăm vì điều kiện kinh tế khá hơn và hiểu rõ phương châm “đóng góp khi lành, để dành khi ốm” (Trích PVS, Đ.V.T, xã Tân Hiệp, 19/4/2022).

BHXH cũng là một trụ cột chính của hệ thống ASXH “Quỹ bảo hiểm xã hội đã trở thành quỹ an sinh lớn nhất, hoạt động theo nguyên tắc "đóng - hưởng" và "chia sẻ" giữa những người lao động cùng thế hệ và giữa các thế hệ tham gia bảo hiểm xã hội. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và quy mô tham gia bảo hiểm xã hội ngày càng được mở rộng; số lượng người được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội không ngừng tăng lên” (Bảo hiểm xã hội, 2018). Việc tham gia đóng BHXH bắt buộc hay tự nguyện cũng là một chỉ báo quan trọng đánh giá mức độ tiếp cận ASXH. Theo kết quả khảo sát, trong 50 hộ người Khmer, với 139 người từ 15 tuổi trở lên chỉ có 2 người tham gia BHXH bắt buộc (1,4%), người Chăm có 13,6% mua BHXH bắt buộc. Số người Kinh mua BHXH bắt buộc cũng không cao hơn người Chăm bao nhiêu (17,7%). Cả ba cộng đồng đều không có trường hợp nào mua BHXH tự nguyện.

Biểu đồ 1. Tình trạng tham gia BHXH của những người từ 15 tuổi trở lên chia theo cộng đồng người Khmer, người Chăm, và người Kinh (%)



Ở ba cộng đồng khảo sát có sự chênh lệch nhau về mức độ tham gia BHYT tự nguyện, và BHXH tự nguyện dường như vẫn còn mới mẻ đối với người dân ở các cộng đồng này, theo kết quả mẫu khảo sát thì không có trường hợp nào tham gia BHXH tự nguyện. Theo Luật BHXH, BHXH bắt buộc dành cho đối tượng làm việc trong khu vực doanh nghiệp, nhà nước nhưng ở mẫu khảo sát này số người Khmer và người Chăm làm việc ở khu vực này rất ít.

BHXH tự nguyện dành cho tất cả mọi người nhưng người Việt Nam nói chung vẫn chưa quen với việc mua BHXH tự nguyện, hướng chi người di cư và người dân tộc thiểu số ở vùng nông thôn như mẫu khảo sát của nghiên cứu này phần lớn là lao động ở khu vực phi chính thức, không có điều kiện tài chính, riêng những hộ kinh tế tương đối khá cũng không hiểu biết về quyền lợi của người mua BHXH tự nguyện, không biết mua ở đâu và như thế nào.

Hai chỉ báo thể hiện sự tham gia đóng góp cho hệ thống ASXH nơi ba cộng đồng di cư đều thấp hơn so với mức bình quân cả nước. Trong đó, người Khmer ở mức độ thấp nhất, tiếp đến là người Chăm và người Kinh có mức độ tham gia cao nhất. Mức độ tham gia đóng góp này có liên quan đến nghề nghiệp của người lao động và thu nhập.

3.2. Mức độ tiếp nhận thông tin và hưởng lợi từ hệ thống ASXH nơi cộng đồng người Chăm, người Kinh và Khmer

ASXH là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin (Nguyễn Trọng Đàm, 2015) và mục tiêu của ASXH là “phân phối lại thu nhập và dịch vụ cho người nghèo và những nhóm xã hội

yếu thế, dễ bị tổn thương, góp phần giảm nghèo bền vững, chống nguy cơ tái nghèo, tiến tới thu hẹp bất bình đẳng xã hội. ASXH là một trong những hợp phần quan trọng của các chương trình, chiến lược phát triển nhằm mục tiêu ổn định xã hội, thu hẹp bất bình đẳng, tạo nên sự đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển. ASXH, do đó, vừa có tính kinh tế, vừa mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc” (Đặng Nguyên Anh, 2013).

Tại ba cộng đồng Khmer, Chăm, Kinh được khảo sát mức độ thụ hưởng chính sách BHYT là cao nhất: 31,7% đã từng và 52,5% người đang thụ hưởng. Tỷ lệ người di cư tham gia ứng cử, bầu cử Ban điều hành thôn/ấp cao 76,6% (đã từng) và 6,4 (đang).

Tuy nhiên, phần lớn người di cư không nhận được thông tin hay thụ hưởng các chính sách liên quan đến đào tạo nghề (88,9%), hộ nghèo và cận nghèo (72,7%), giáo dục (65,5%), bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (50,0%).

Chính sách đào tạo nghề không thu hút người di cư vì trình độ học vấn thấp (46,7% người Khmer không biết chữ, 36,2% mới xong tiểu học; 27,3% người Chăm không biết chữ và 46,6% mới xong tiểu học). Tại quê nhà họ quen với nghề nông và cũng chỉ muốn làm nông hoặc đi làm thuê và không quan tâm đến việc học nghề.

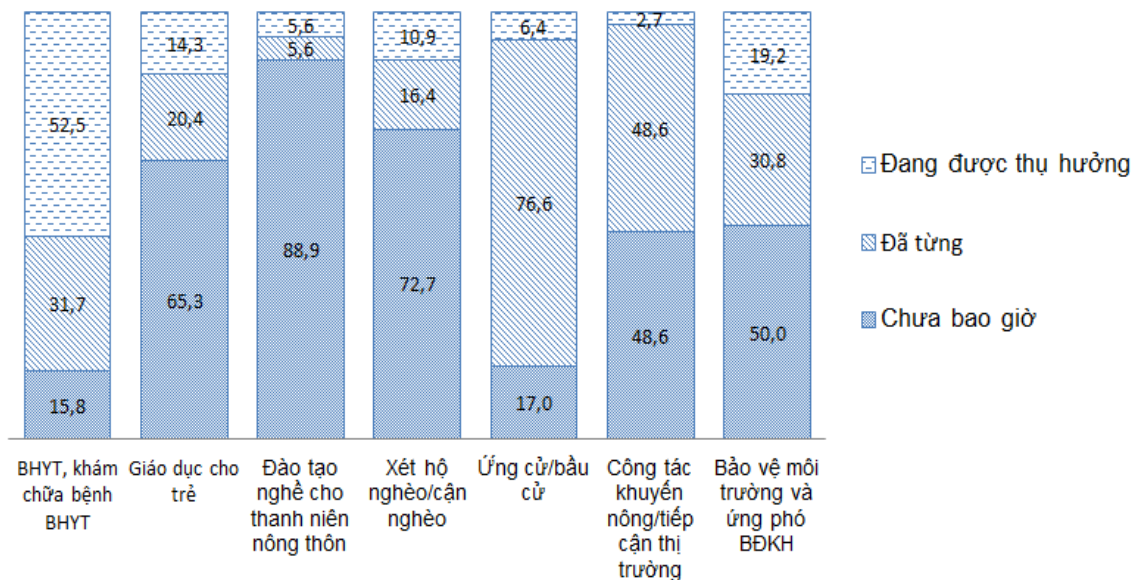
Chiếu theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2022-2025 ở khu vực nông thôn “là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên” (Chính Phủ, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP). Trong số 150 hộ ba cộng đồng khảo sát thu nhập bình quân nhân khẩu nhóm thấp nhất nơi người Khmer, Chăm (0,8 triệu), người Kinh (1,1 triệu) và nhóm thứ hai (1,3 triệu) nơi người Khmer thuộc chuẩn nghèo. Nhóm này đã và đang thụ hưởng chính sách hộ cận nghèo và nghèo (27,3% hộ khảo sát).

Điều 14 Luật Giáo dục 2019 quy định “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc đến trung học cơ sở” (Quốc hội, 2019). Tuy vậy, trong ba cộng đồng khảo sát, tỷ lệ đã và đang thụ hưởng chính sách giáo dục không cao (34,7% hộ khảo sát) và tình trạng bỏ học vẫn phổ biến, đặc biệt là trẻ em ở các hộ gia đình Khmer (38% người trong độ tuổi đi học 5-18 không đến trường), người Chăm (32%) và người Kinh (12%). Lý do không đi học hoặc bỏ học chủ yếu được cho là do khó khăn kinh tế Khmer (78,9%), Chăm (56,3%) và Kinh (16,7%) và nhà xa trường: Khmer (10,5%), Chăm (37,5%), Kinh (33,3%). Lý do kinh tế không phải chỉ vì gia đình không có khả năng đóng học phí cho con cái đi học mà còn do những đứa trẻ này phải sớm tham gia lao động cùng với cha mẹ. Vì ba cộng đồng khảo sát đều sống ở vùng sâu vùng xa (đất khai hoang) khoảng cách từ nhà đến trường học cấp II trên 10 km, phát sinh thêm chi phí đi lại. Nhiều gia đình phải cân nhắc việc đưa đón con hay mua xe máy để con tự đi học và cả hai lựa chọn này chỉ phù hợp với những gia đình khá giả. Chẳng hạn: gia đình Mohammad S. , “Năm đầu tui đưa đón con đi học. Con đi học Anh vẫn tui chở đi rồi ngồi ở quán cà phê đợi rước về mất thời gian quá. Năm nay, tui liền mua chiếc xe cho

con đi nhưng cũng thấy lo vì đường sá giờ tai nạn nhiều quá. Nhiều người nghe tai nạn mà không dám cho con đi học. Hồi trước ở đây có xe buýt tư nhân đưa đón trẻ em đi học nhưng giờ nghỉ rồi” (Trích PVS, Mohammad S, Minh Hòa, ngày 19/4/2022). Những gia đình không có điều kiện như gia đình Mohammad S. dù muốn cho con đi học cũng không thể chọn một trong hai phương án như Mohammad S. họ sẽ cho con nghỉ học. Vậy, nếu chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ về giáo dục cho cộng đồng Chăm có thể đầu tư xe buýt đưa đón học sinh đi học có thu phí.

Theo người dân “Môi trường ở Đông Nam Bộ thuận lợi hơn TNB, không bị xâm nhập mặn khiến lúa ra bông mà không có hạt, hai năm lũ lên cao một lần, cây trồng vừa ra trái thu hoạch chừng một năm thì chết phải trồng lại. Môi trường cũng ít ô nhiễm hơn” (Trích PVS, Madhamin, người Chăm, xã Minh Hoà, ngày 18/4/2022) nhưng vẫn chịu tác động của biến đổi khí hậu nên mức độ thụ hưởng những thông tin hay chính sách về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu 50%.

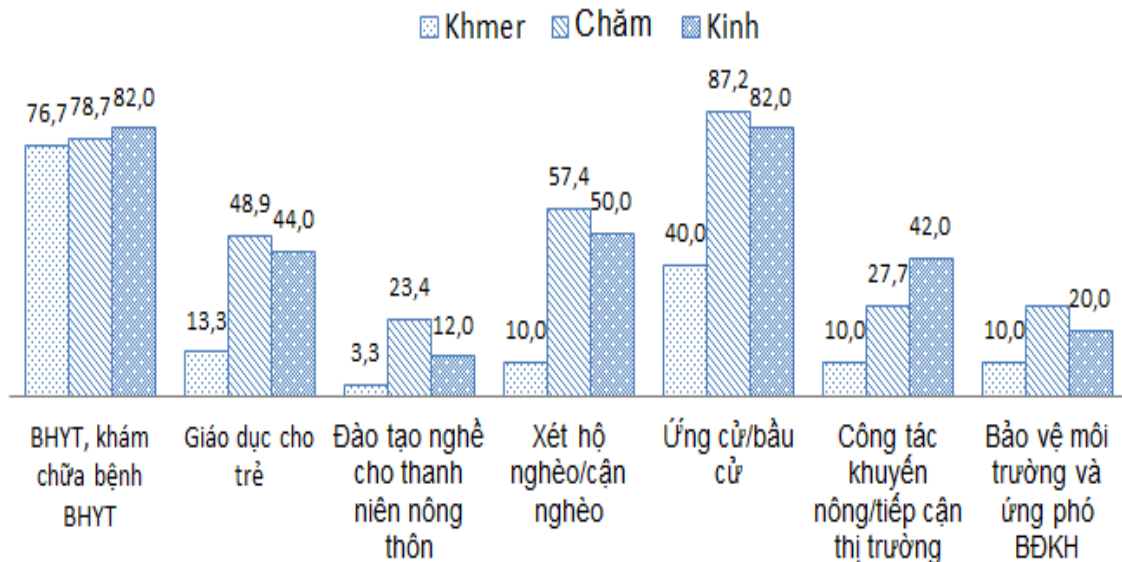
Biểu đồ 2. Mức độ tham gia/thụ hưởng các chính sách tại địa phương của các hộ gia đình (%)



Thật thú vị khi so sánh tỷ lệ hộ gia đình có nhận được các thông tin/chính sách tại địa phương giữa ba cộng đồng, người Chăm là cộng đồng tiếp nhận thông tin nhiều nhất hơn cả người Kinh (trừ thông tin, chính sách về tham gia BHYT, về công tác khuyến nông và tiếp cận thị trường), và vượt xa so với người Khmer. Chẳng hạn, các thông tin liên quan đến giáo dục cho trẻ theo tỷ lệ: Chăm (48,9%), Kinh (44%), Khmer (13,3%); đào tạo nghề cho thanh niên: Chăm (23,4%), Kinh (12%), Khmer (3,3); thông tin, chính sách về hộ nghèo, cận nghèo: Chăm (57,4%), Kinh (50%), Khmer (10%), về ứng cử và bầu cử Ban điều hành ấp: Chăm (87,2%), Kinh (82%), Khmer (40%), về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu: Chăm (70%), Kinh (20%) và Khmer (10%). Người Chăm ở Minh Hòa là một cộng đồng tôn giáo có tinh thần cố kết cao⁽¹⁾ trong đó có vai trò của Ban Quản trị thánh đường, đứng đầu là Hakim (Giáo cả) là người có uy

tín, không chỉ chăm lo đời sống tôn giáo cho tín đồ “Ban Quản trị này còn nhiệm làm cầu nối giữa chính quyền địa phương với cộng đồng Hồi giáo trong Jammaah (đơn vị quản lý tín đồ) của mình”. Trong những năm gần đây, các vị Hakim của Jammaah còn là thành viên của Mặt trận tổ quốc xã, là đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã nên Hakim còn là người hiểu biết về chủ trương, chính sách của nhà nước “khi một người hay gia đình nào đó trong làng có vấn đề gì cần giải quyết hoặc chưa nắm rõ về các chính sách của nhà nước hay có tranh chấp gì, thì người dân cần hỏi ý kiến đầu tiên là Hakim” (Lê Trần Uyên, 2020). Vì vậy, mức độ cộng đồng Chăm tiếp nhận được thông tin, chính sách về ASXH cao hơn hai cộng đồng Khmer, Kinh là điều dễ hiểu.

Biểu đồ 3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhận được các thông tin/chính sách tại địa phương chia theo cộng đồng người Khmer, người Chăm, và người Kinh (%)



Không chỉ có Giáo cả, trong cộng đồng Chăm di cư còn có người tham gia vào các đoàn thể nên cộng đồng biết và hưởng lợi được nhiều từ hệ thống ASXH. Như trường hợp Mohammad S., sinh năm 1972 quê ở xã Khánh Hòa, Châu Phú, An Giang di cư đến ấp Hòa Lộc, xã Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương năm 1992. Anh đã học hết lớp 12 nên khi mới đến được chính quyền xã mời làm Bí thư chi đoàn ở xã hai nhiệm kỳ. Nhờ vậy anh hiểu biết nhiều về chính sách vay vốn hay các thủ tục hành chính khác để hướng dẫn bà con trong ấp. Mohammad S. nhớ lại khoảng năm 2000 hay 2001 ông Hồ Anh Dũng là cán bộ phụ trách chính sách về di dân định canh, định cư của tỉnh Bình Dương đã cho triển khai, hỗ trợ, làm con đường trong ấp: “Ông nói con đường này dành riêng cho người Chăm, ưu tiên cho người Chăm, phải cố gắng bảo trì con đường này không để xe tải vô phá hết đường. Nhà ai khó khăn ông còn hỗ trợ tole để làm nhà. Ai tròng trọt thì cho phân tro. Ông tốt lắm, đất ít cho ít, đất nhiều cho nhiều”. Sau khi có con đường, chính quyền xã liên kết với điện lực kéo lưới điện xuống xã và hỗ trợ cho người dân được cung cấp điện miễn phí. Có đường và điện rồi, mọi thứ trở nên dễ dàng hơn, sau đó là phong trào khoan giếng, người dân có nước sạch quanh năm. Chính

quyền xã thì hỗ trợ người dân làm các loại giấy tờ từ hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng hay giấy chứng nhận quyền sở hữu đất. Ngoài ra, người dân còn được hỗ trợ vay vốn. “Để được vay vốn, dân phải sử dụng các loại vốn này đúng mục đích: *vốn nước sạch* phải dùng khoan giếng, *vốn chăn nuôi* phải nuôi bò, gà, heo, *vốn nông nghiệp* dùng vào việc canh tác, nếu không về sau rất khó vay. Thế là tui đứng ra giải thích cho bà con, nên người Chăm được hỗ trợ vay vốn rất nhiều. Nhờ vậy mà kinh tế khá lên” (Trích PVS, Mohammad S, xã Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương, ngày 18/4/2022).

Có chiến lược kinh tế “lấy ngắn nuôi dài, đất mới khai phá giàu phù sa trồng mì ba năm để dành vốn rồi trồng cao su để không vướng nợ; giữ đất bằng mọi giá, chăm chỉ kiên trì” (Trích PVS, Mohammad S, xã Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương, ngày 18/4/2022); được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương buổi đầu, đến nay “cuộc sống của cộng đồng người Chăm đã ổn định, hầu hết đều có đất ở và đất sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần tương đối tốt, cơ bản tiếp cận được hầu hết các hỗ trợ của địa phương dành cho người di cư. Vấn đề lớn nhất hiện nay của cộng đồng này là giáo dục phổ thông cho con em trong độ tuổi đi học, vì địa bàn xa trung tâm xã nên rất ít con em người Chăm ở đây được học hành đến nơi đến chốn. Tuy nhiên, việc học đạo (Islam giáo) rất được chú trọng trong các gia đình, là yếu tố bắt buộc” (Trích Nhật ký điền dã, Phạm Thị Ngọc Diệp, xã Minh Hòa, ngày 18/4/2022).

Ngược lại, cộng đồng di cư người Khmer ở xã Gia Kiệm chưa có chùa riêng, thiếu vắng vai trò của Sư cả như người “lãnh đạo tinh thần” để có kết cộng đồng, kết nối cộng đồng với chính quyền địa phương. Mặt khác, phần lớn những người di cư có học vấn và vốn kinh tế cũng rất thấp. Phần lớn làm thuê nông nghiệp như nuôi gà, trồng chuối, nhổ rau. Với họ di cư đến nơi mới chỉ vì kế sinh nhai và sau này sẽ trở về quê sống nên họ không cất nhà, hoặc không có điều kiện mua hay xây nhà. Họ được chủ cấp cho chỗ ở tại nơi lao động để thuận tiện cho công việc nên họ không thể sống tập trung thành một đơn vị cư trú như người Chăm. Không sống gần nhau, không có người lãnh đạo tinh thần, lại ít học, người Khmer ít biết đến các thông tin về chính sách ASXH. Tuy nhiên, cộng đồng Khmer nhận được nhiều sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Bằng chứng, trong cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình 12 tháng qua, nơi người Khmer chiếm 70% so với người Chăm là 60% trong khi người Kinh chỉ có 14% (Kết quả khảo sát đề tài 2022). Dù không theo đạo họ cũng được giáo xứ tặng tiền, quà, xây nhà cho họ trên đất của chủ. Nếu so với quê gốc, cộng đồng người Khmer di cư có đời sống khá hơn nhiều, dù chỉ làm thuê nhưng nhiều hộ may mắn có được chỗ làm ổn định lâu dài cho người chủ tốt bụng. Họ có thể tích lũy được tiền gửi về quê cất nhà, giúp đỡ cha mẹ, họ hàng. Chẳng hạn, Kim D, sinh năm 1965, quê Trà Cú, Trà Vinh di cư đến Gia Kiệm năm 2012. Ông kể:

Ở quê nhà hai vợ chồng không có đất canh tác (chỉ có nền nhà để ở ngoài thị trấn, vì chọn nền nhà nên hai công đất vườn cha mẹ ông cho người con khác), nuôi ba đứa con nhỏ ngày ngày đi làm thuê nông nghiệp, ai mướn gì làm nấy, cơm không đủ ăn, bữa đói, bữa no. Một người em đã di cư trước, nuôi gà thuê cho một gia đình ở Gia Kiệm không muốn tiếp tục công việc này nữa nên đã nhường công việc này cho ông D.

Ngay khi nhận điện thoại của em, ông đã lên ngay để biết rõ công việc như thế nào và ông đã đồng ý tiếp nhận công việc ấy. Vài ngày sau, vợ con ông cũng lên cùng, ngôi nhà để lại cho cha ông trông coi. Đến nay ông đã làm cho chủ trại gà này 10 năm, từ mức lương 3 triệu/1 tháng/1 người đến nay hai vợ chồng được trả lương 13 triệu/1 tháng. Chủ nhà cấp cho cái chòi đủ để gia đình ở, còn bao luôn tiền điện, hàng tháng được hỗ trợ thêm 20kg gạo. Ngoài ra, vì đã thạo việc ông làm thay luôn phần việc của vợ, nên vợ ông có thể đi nhổ rau cho chủ khác, mỗi tháng cũng kiếm thêm 6 triệu đồng. Vậy tổng thu nhập hai vợ chồng mỗi tháng cũng gần 20 triệu còn không tốn tiền nhà, tiền điện hay gạo. Ông khỏe, sau 5 năm đi làm ở đây ông đã về quê cất lại ngôi nhà khang trang hơn (trị giá 300 triệu đồng vào năm 2017). Ông nói rằng rất thích ở đây vì ông chủ tốt, cuộc sống không còn thiếu thốn nữa “sáng ra là có tiền rồi (ý nói tiền công) nên thẻ BHYT “bị rút rồi” (không còn hộ nghèo) (Trích PVS, Kim D, xã Gia Kiệm, ngày 27/4/2022).

Cộng đồng di cư người Kinh trong nghiên cứu này đến Tân Hiệp, Hớn Quản, Bình Phước từ nhiều địa phương khác nhau: Bến Tre, Tiền Giang, một số ít đến từ Cà Mau, Long An. Phần lớn không theo tôn giáo, trên địa bàn xã có nhà thờ, chùa nhưng họ ít tham gia sinh hoạt vì họ chỉ tập trung làm ăn, có đến 63,8% hộ tự làm kinh tế hộ gia đình (so với người Khmer 7,2%). Những hộ có vốn, đất canh tác đã phát huy thế mạnh trồng cây ăn trái như nhãn tiêu da bò, sầu riêng, bưởi với diện tích lớn, thu lãi cao. Trung bình các nguồn thu nhập của hộ gia đình người Kinh trong 12 tháng qua lên đến 228 triệu (so với người Khmer là 89 triệu). Trung bình thu nhập bình quân nhân khẩu ở nhóm thu nhập cao nhất của người Kinh cao hơn người Khmer gấp 4 lần (14,3 triệu so với 3,1 triệu). Trong 12 tháng qua có 38% trên 50 hộ người Kinh tiết kiệm được 153 triệu cho thấy kinh tế của họ khá giả nếu so với con số 38% người Khmer để dành được 16 triệu và 26% người Chăm tiết kiệm được 39 triệu trong vòng một năm. Cộng đồng di cư người Kinh khi rời quê có mang theo ít vốn do bán tài sản ở quê nhà, sau 20 năm làm kinh tế đã trở nên khá giả. Họ tham gia đóng góp cho hệ thống ASXH nhiều hơn (qua chỉ số tham gia BHYT tự nguyện 41,9% so với 7,8% nơi người Khmer) hưởng thụ từ hệ thống này bởi họ là nhóm mạnh, góp phần chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Tỷ lệ hộ gia đình người Kinh có nhận được các thông tin/chính sách tại địa phương thấp hơn người Chăm vì họ không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nên không quan tâm nhiều.

Phân tích trên cho thấy vai trò của người uy tín và tính cố kết trong cộng đồng, nguồn thu nhập, trình độ học vấn là những yếu tố ảnh hưởng đến việc nhận thông tin và thụ hưởng chính sách ASXH.

4. Kết luận

Lý do “đẩy” ba cộng đồng Khmer, Chăm, Kinh ở TNB xuất cư là đời sống nơi quê nhà quá khó khăn. Người có đất canh tác bị thua lỗ do biến đổi khí hậu (xâm nhập mặn, lũ, mưa bão) ảnh hưởng đến năng suất cây trồng; người làm thuê thiếu việc do cơ

giới hóa nông nghiệp. Thông qua mạng lưới xã hội: họ hàng, anh em, bạn bè, láng giềng họ biết ĐNB (cách này khoảng 20 năm) đất rộng người thưa, còn nhiều đất hoang có thể khai phá, thiên nhiên ưu đãi không mưa bão, lũ lụt, ngập mặn và nhiều cơ hội việc làm nên đã quyết định di cư đến đây. Trong khi người Chăm và người Kinh xác định sẽ không quay về quê gốc nên họ cất nhà và quyết giữ đất sản xuất để ổn định cuộc sống thì người Khmer chỉ muốn làm việc một thời gian kiếm tiền sau đó trở về quê gốc nên phần lớn ở nhà chủ hay nhà thuê.

Trong ba cộng đồng di cư, người Khmer là nhóm tham gia đóng góp ít nhất nhưng là cộng đồng được thụ hưởng nhiều nhất những chính sách hỗ trợ của nhà nước. Người Chăm là cộng đồng tiếp cận được những thông tin về hệ thống ASXH xã hội hơn người Khmer và người Kinh vì họ có người lãnh đạo tinh thần – Giáo cả làm cầu nối giữa cộng đồng với chính quyền địa phương. Người Kinh là cộng đồng tham gia đóng góp cho hệ thống ASXH nhiều hơn là thụ hưởng vì điều kiện kinh tế khá giả hơn. Tuy vậy, chính sách ASXH của nhà nước chỉ có thể giúp các hộ di cư sống ở mức tối thiểu lúc ban đầu mới đến. Để có thể đạt được cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế tự bản thân người di cư phải nỗ lực. Những hộ gia đình có “chút” học vấn (tốt nghiệp THCS hay THPT) biết tư duy kinh tế, kiên trì nhẫn nại, giữ đất sản xuất đến nay đều đã khá giả là những hộ người Kinh, Chăm. Với người Khmer vốn giáo dục, vốn kinh tế thấp hơn, nhiều người không biết chữ, ra đi với hai bàn tay trắng họ không có lựa chọn nào khác là đi làm thuê, sau 20 di cư vẫn làm thuê. Những hộ may mắn có việc làm ổn định và biết tích lũy kinh tế cũng đã khá hơn trước. Dù ba cộng đồng có mức sống khác nhau nhưng tất cả đều hài lòng với quyết định di cư của mình, đến ĐNB họ có được cuộc sống khá hơn xưa nhiều dù buổi đầu cũng rất khó khăn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách ASXH của nhà nước và mức độ tiếp cận ASXH của người di cư có ảnh hưởng nhiều trong buổi đầu di cư. Tuy nhiên, các yếu tố nội lực và các chiến lược sinh kế đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo ASXH của người di cư. Muốn có cuộc sống ổn định và phát triển tự thân mỗi cá nhân phải chăm chỉ lao động, học hỏi những kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến và đầu tư giáo dục cho thế hệ con cháu. Bên cạnh đó, phương thức cư trú tập trung và vai trò của lãnh đạo cộng đồng cũng góp phần thúc đẩy tính cố kết của cộng đồng di cư, mở rộng các mối quan hệ với địa phương và tiếp cận đầy đủ hơn các thông tin chính sách, qua đó nâng cao mức độ thụ hưởng ASXH một cách bền vững.

Bài viết trong khuôn khổ Đề tài cấp Bộ “Dự án điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay” (thực hiện 1/2021 - 12/2022) do PGS.TS. Đỗ Hương Giang chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

Chú thích:

(1) Điều này thể hiện qua cơ cấu các nguồn thu nhập của các hộ gia đình trong 12 tháng qua với người Chăm có đến 42% nguồn thu nhận được từ người thân, bạn bè, so với người Kinh là 18%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bảo hiểm xã hội (2018). Đẩy mạnh cải cách để Bảo hiểm xã hội trở thành trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội. <https://baohiemxahoi.gov.vn>.
- [2] Chính Phủ (2021). Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021.
- [3] Chun Jane M. and Lê Thanh Sang (2012). Research and Policy Dialogue on Climate Change, Migration and Resettlement in Vietnam. UNDP.
- [4] Đặng Nguyên Anh (2009). Hệ thống đăng ký hộ khẩu và phúc lợi của người di cư từ nông thôn ra thành thị. *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Việt Nam*, số 59.
- [5] Đoàn Hiền (2020). Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm cho lao động nông thôn di cư hòa nhập xã hội thành thị, chuyển đổi nghề nghiệp ổn định và bền vững. *Tạp chí Công sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/820468/xay-dung-he-thong-an-sinh-xa-hoi%2C-bao-dam-cho-lao-dong-nong-thon-di-cu-hoa-nhap-xa-hoi-thanh-thi%2C-chuyen-doi-nghe-nghiep%2%A0on-dinh-va-ben-vung.aspx.
- [6] Duy Hưng (2021). An sinh xã hội cho người lao động di cư. *Con số sự kiện*, 44-46
- [7] George J. Borjas and Stephen J. Trejo (1991). Immigrant Participation in the Welfare System. *Industrial and Labor Relations Review*, số 44(2), 195-211
- [8] Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Lê Thanh Sang và Nguyễn Thị Minh Châu (Hợp phần Việt Nam). (2013). *Climate Change and Migration: Exploring the Impacts of Climate Change on People's Livelihoods and Migration in the Greater Mekong Sub-region*. Mekong Migration Network (MMN) and Asian Migrant Centre (AMC).
- [9] Lê Thanh Sang và Đỗ Thị Thanh Thủy (2014). “Đánh giá tác động của di cư nông thôn – thành thị và các chương trình tái định cư do thay đổi môi trường trong bối cảnh của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”. IOM.
- [10] Lê Trần Quyên (2020). Vai trò của đội ngũ chức sắc người Chăm Islam ở vùng biên giới tỉnh An Giang. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, 70-79.
- [11] Mokhtarianpour, Majid (2016). Islamic Model of Iranian Pattern Development Process Model. *The Pattern of Islamic Development of Iran*, số 4(8), 9-30.
- [12] Ngô Thị Phương (2013). Tiếp cận hệ thống an sinh xã hội: Sự chênh lệch giữa cư dân khu vực thành thị và nông thôn ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội & Nhân văn*, số 29(1), 27-34.
- [13] Nguyễn Trọng Đàm (2015). Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=24324>.
- [14] Quốc hội (2019). Luật giáo dục, số: 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.
- [15] Sèn Thị Hiền (2013). *An sinh xã hội của người di cư tự do tại đô thị Hà Nội - Nghiên cứu trường hợp phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn. Hà Nội.